

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị Hồng T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số E, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Hoàng Cẩm Hồng N, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: số B, ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Bà T, ông N có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Thị Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông N cưới nhau vào năm 2010, hôn nhân của ông bà được xây dựng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 02/2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông N

thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Bà T đã dẫn 01 con về nhà mẹ ruột ở từ đầu năm 02/2025 tới nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông N, vợ chồng không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông N có 02 con chung tên Hoàng Châu Kim T1, sinh ngày 15/01/2011 và Hoàng Châu Kim T2, sinh ngày 27/8/2016. Hiện cháu T2 đang sống với bà T, cháu T1 đang sống với ông N. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T2, bà đồng ý giao cháu T1 cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, ông bà không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Cẩm Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chính bà T xin ly hôn với ông là do ông phát hiện gần đây bà T có nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác. Bà T dẫn 01 con về nhà mẹ ruột ở từ đầu năm 2025 đến nay. Do bà T xin ly hôn vì vậy ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Hoàng Châu Kim T1, sinh ngày 15/01/2011 và Hoàng Châu Kim T2, sinh ngày 27/8/2016. Hiện cháu T2 đang sống với bà T, cháu T1 đang sống với ông N. Nếu ly hôn ông N yêu cầu được nuôi cả hai con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bà T thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, ông N chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông N. Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Châu Kim T1 cho ông Hoàng Cẩm Hồng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung tên Hoàng Châu Kim T2 cho bà Châu Thị Hồng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung

đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà T, ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: cả hai ông bà trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông N. Ông N có nơi cư trú tại xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do bà T cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre chứng nhận kết hôn cho bà T và ông N vào ngày 25/8/2010. Ông bà xác định tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T và ông N trình bày, sau khi cưới nhau, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng hay tranh cãi, không còn hạnh phúc dẫn đến việc bà T dẫn con chung tên Kim T2 về nhà mẹ ruột ở từ đầu năm 2025 đến nay. Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do ông N thường xuyên uống rượu bia, không chăm lo cho gia đình. Ông N cũng xác định ông cũng thường xuyên có uống rượu bia nhưng nguyên nhân chính dẫn đến việc bà T xin ly hôn là do bà T có quen người đàn ông khác, thường hay nhắn tin qua lại. Bà T cho rằng hiện không còn tình cảm với ông N, vợ chồng không thể hàn gắn. Quá trình hòa giải, ông N không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, ông N đồng ý ly hôn với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân bền vững phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, thương yêu, tôn trọng, mong muốn gắn bó từ cả hai phía vợ và chồng. Tại Tòa, ông bà cũng thể hiện sự bất đồng quan điểm, luôn tranh cãi, không ai thể hiện nguyện vọng hàn gắn. Trên thực tế hôn nhân của bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Ông bà thống nhất quá trình chung sống có 02 con chung tên Hoàng Châu Kim T1, sinh ngày 15/01/2011 và Hoàng Châu Kim T2, sinh ngày 27/8/2016. Bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Hoàng Châu Kim T2, bà yêu cầu giao con chung tên Hoàng Châu Kim T1 cho ông N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N yêu cầu được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu T1 đang sống với ông N, cháu T2 đang sống với bà T. Qua lấy ý kiến của cháu T1 mong muốn được tiếp tục sống với gia đình bên nội và ông N, cháu T2 mong muốn được tiếp tục sống với bà T, đây là ý kiến tự nguyện của các cháu. Để tránh gây xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống của các cháu nên cần giao

cháu T2 cho bà T nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho ông N nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T, ông N không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N đều thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Điều Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Hồng T, cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Bà Châu Thị Hồng T được ly hôn với ông Hoàng Cẩm Hồng N.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Hoàng Châu Kim T1, sinh ngày 15/01/2011 và Hoàng Châu Kim T2, sinh ngày 27/8/2016. Giao con chung tên Hoàng Châu Kim T1 cho ông Hoàng Cẩm Hồng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, Giao con chung tên Hoàng Châu Kim T2 cho bà Châu Thị Hồng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà T, ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hoàng Cẩm Hồng N, bà Châu Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Bà Châu Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số: 0010588 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận bà T đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Bà Châu Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hoàng Cẩm Hồng N vắng mặt tại phần tuyên án nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan